|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÔNG AN TỈNH HÀ NAM[[1]](#footnote-1)  **CÔNG AN HUYỆN BÌNH LỤC**[[2]](#footnote-2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc**  *Bình Lục, ngày 10 tháng 10 năm 2023* | **MẪU TH1**  BH theo QĐ số 7272/QĐ-BCA  ngày 10/9/2021 |

**BẢNG TỔNG HỢP**

**Kết quả xếp loại thực hiện công tác hồ sơ nghiệp vụ của cá nhân năm ….**

Cán bộ quản lý hồ sơ: Nguyễn Thị Hương

Đơn vị: Đội CSĐTTP về Kinh tế - ma túy

**I. BẢNG TỔNG HỢP XẾP LOẠI CÔNG TÁC HỒ SƠ NGHIỆP VỤ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại hồ sơ[[3]](#footnote-3)** | **Tổng số HS hiện có** | **Số HS đã kiểm tra, chấm điểm[[4]](#footnote-4)** | **Xếp loại hồ sơ** | | | | | | | | **Số HS không xếp loại[[5]](#footnote-5)** | **Số HS mất, thất lạc** | **Ghi chú** |
| **Tốt** | | **Khá** | | **Trung bình** | | **Kém** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ %** | **Số lượng** | **Tỷ lệ %** | **Số lượng** | **Tỷ lệ %** | **Số lượng** | **Tỷ lệ %** |
| 1 | **LC** | **1** | **1** | **1** | **100** |  |  |  |  |  |  | **0** | **0** |  |
| 2 | **ĐV** | **2** | **2** | **2** | **100** |  |  |  |  |  |  | **0** | **0** |  |
| 3 | **NV** | **13** | **13** | **13** | **100** |  |  |  |  |  |  | **0** | **0** |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | **16** | **16** | **16** | **100** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. TỔNG HỢP CHUNG**

1. Số hồ sơ đạt loại Tốt: 16/16, chiếm 100%.

2. Số hồ sơ đạt loại Khá: 0/0, chiếm 0%.

3. Số hồ sơ đạt loại Trung bình: Khá: 0/0, chiếm 0%.

4. Số hồ sơ đạt loại Kém: Khá: 0/0, chiếm 0%.

5. Số hồ sơ mất, thất lạc: 0

**III. XẾP LOẠI CÔNG TÁC HSNV: Tốt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ[[6]](#footnote-6)**  *(Ký, cấp bậc, họ tên)* | **CHỈ HUY PHỤ TRÁCH[[7]](#footnote-7)**  *(Ký, cấp bậc, họ tên)* | **CÁN BỘ TỔNG HỢP[[8]](#footnote-8)**  *(Ký, cấp bậc, họ tên)* |

1. Cục nghiệp vụ/Phòng nghiệp vụ/Công an cấp tỉnh/Công an cấp huyện. [↑](#footnote-ref-1)
2. Phòng nghiệp vụ/Đội nghiệp vụ/Công an cấp huyện/Công an cấp xã. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ghi rõ loại hồ sơ, ví dụ: Điều tra cơ bản, cá nhân quản lý nghiệp vụ, sưu tra, chuyên án… [↑](#footnote-ref-3)
4. Số hồ sơ đủ điều kiện để chấm điểm, thực tế đã chấm điểm. [↑](#footnote-ref-4)
5. Số hồ sơ không đủ điều kiện để chấm điểm, xếp loại (ghi rõ lý do ở mục Ghi chú). [↑](#footnote-ref-5)
6. Phó Trưởng Công an cấp huyện trở lên. [↑](#footnote-ref-6)
7. Chỉ huy Công an cấp xã, Đồn, Trạm, Đội trở lên. [↑](#footnote-ref-7)
8. Cán bộ quản lý hồ sơ hoặc cán bộ được giao tổng hợp. [↑](#footnote-ref-8)